

CÔNG KHAI
THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 10 THÁNG 6
NĂM 2025 CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG MẦM NON LƯƠNG ĐIỀN

1.2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ trụ sở chính Trường mầm non Lương Diền: Thôn Lương Xá, Xã Lương Diền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: 035.315.9146

- Email: Truongmamnonluongdien@gmail.com

- Website: <http://mnluongdien.camgiang.edu.vn>

- Fanpage: Trường Mầm non Lương Diền.

1.3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

- Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường mầm non công lập

- Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: UBND huyện Cẩm Giàng

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng:

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn – là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

Tầm nhìn:

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con

tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

Mục tiêu:

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

1.5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường Mầm non Lương Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương được thành lập năm 1978; nhằm đáp ứng nhu cầu giáo dục mầm non ngày càng cao của cộng đồng tại địa phương. Đến ngày 19 tháng 11 năm 2012 chuyển đổi trường mầm non bán công sang công lập trên địa bàn huyện Cẩm Giàng theo Quyết định số: 3055/2012/QĐ-UBND của UBND huyện Cẩm Giàng cho đến nay.

Trường có 01 điểm trường, Thôn Lương Xá, Xã Lương Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương. Trên 50 năm thành lập và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, Trường Chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2018

Năm học 2023 - 2024, Nhà trường đạt tập thể lao động tiên tiến theo Quyết định số: 2498/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện Cẩm Giàng; giấy khen của UBND huyện Cẩm Giàng theo QĐ số 2501/QĐ-UBND ngày 25/7/2024.

Năm học 2024 - 2025, Nhà trường đạt tập thể lao động tiên tiến theo Quyết định số: 1863/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của Chủ tịch UBND huyện Cẩm Giàng.

Chi ủy, Chi bộ năm 2024 được Đảng bộ xã Lương Điền đánh giá “Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ”. Tập thể Công đoàn, Chi đoàn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Qua những thành tích đạt được trường Mầm non Lương Điền luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau.

1.6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ và tên: Nguyễn Thị My

Chức vụ: Bí thư chi bộ, hiệu trưởng nhà trường.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non Lương Điền: Thôn Lương Xá, Xã Lương Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

Số điện thoại: 035.315.9146

Địa chỉ thư điện tử: Nguyenthimymncamhung@gmail.com

1.7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Quyết định số: 3055/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 của UBND huyện Cẩm Giàng chuyển đổi trường mầm non bán công sang công lập trên địa bàn huyện Cẩm Giàng.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường,

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-HĐT ngày 24/10/2022 của Phòng GD &ĐT huyện Cẩm Giàng về việc kiện toàn chức danh Hội đồng trường mầm non Lương Điền:

Danh sách thành viên hội đồng trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ Hội đồng trường
1	Nguyễn Thị My	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ngô Thị Nga	TT tổ văn phòng	Thư ký
3	Nguyễn Thị Hạnh	Phó hiệu trưởng	Ủy viên
4	Hoàng Thị Quyên	Phó hiệu trưởng - CTCĐ	Ủy viên
5	Vũ Thanh Lan	TT tổ 5 tuổi	Ủy viên
6	Vũ Thị Thoa	TT tổ 4 tuổi	Ủy viên
7	Nguyễn Thị Huyền	TT tổ 3 tuổi	Ủy viên
8	Đoàn Thị Phương	TT tổ Nhà trẻ - BTĐTN	Ủy viên
9	Nguyễn Thị Thu Huyền	Tổ phó tổ 5 tuổi	Ủy viên
10	Hà Thị Thủy	Tổ phó tổ 3 tuổi	Ủy viên
11	Đào Thị Pha	TB thanh tra nhân dân	Ủy viên

12	Hoàng Đình Vỹ	Phó CTUBND xã	Ủy viên
13	Vũ Xuân Năm	BĐDCMHS	Ủy viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định số 4974/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2022 của UBND huyện Cẩm Giàng về bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Mầm non Lương Điền - Đ/c Nguyễn Thị My.

Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2023 của UBND huyện Cẩm Giàng về việc điều động, bổ nhiệm Phó hiệu trưởng trường Mầm non Lương Điền - Đ/c Nguyễn Thị Hạnh.

Quyết định số 4435/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2020 của UBND huyện Cẩm Giàng về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó hiệu trưởng trường Mầm non Lương Điền - Đ/c Hoàng Thị Quyên.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

(Kèm theo bảng sơ đồ bộ máy nhà trường)

2. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, và nhân viên

2.1. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

Stt	Nội dung	Năm học 2023-2024						Năm học 2024-2025					
		TS	Trình độ đào tạo					TS	Trình độ đào tạo				
			ĐH	CĐ	TC	CC	ĐV		ĐH	CĐ	TC	CC	ĐV
I	Giáo viên	45	36	8	1	0	18	48	36	11	1		18
1	Nhà trẻ	10	7	2	1		4	10	7	2	1		4
2	Mẫu Giáo	35	28	7			14	38	29	9	0		14
II	Cán bộ quản lý	3	3	3	0	0	3	3	3	0	0		3
1	Hiệu trưởng	1	1	1	0	0	1	1	1	0	0		1
2	Phó hiệu trưởng	2	2	2	0	0	2	2	2	0	0		2
III	Nhân viên	10						10	1	0	0	6	0
1	Kế toán	1						1	1				
2	Nuôi dưỡng	6						6				6	
3	Bảo vệ	3						3					

2.2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024		Năm học 2024 - 2025	
		Số lượng	Số lượng	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Cán bộ quản lý	3	3	3	100

Xếp loại	Tốt	2	2	2	66.7
	Khá	1	1	1	33.3
	Đạt				
	Chưa đạt				
2	Giáo viên				
Xếp loại	Tốt	18	18	20	41.7
	Khá	26	26	28	58.3
	Đạt	1	1		
	Chưa đạt				

2.3. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024		Năm học 2024 - 2025	
		Số lượng	Số lượng	Số lượng	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lý	3	3	3	100%
2	Giáo viên	45	45	48	100%
3	Nhân viên	1	1	1	100%

3. Cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Theo yêu cầu quy định
1	Diện tích điểm trường	18715m ²	18715m ²	- Diện tích còn thiếu so với trường chuẩn QG: không - Đảm bảo hay chưa đảm bảo: đảm bảo vì diện tích các khu đều rộng: khu TT: 6548 m ² ; khu 2: 5619 m ² ; khu 3: 6548 m ² ;
	Điểm trường	3	3	
	Diện tích bình quân cho trẻ	25.7 m ²	24m ² /trẻ	
2	Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng			
2.1.	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ			
	Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	25	26	
	Phòng vệ sinh	25	26	
	Phòng ngủ			

	Phòng khác (kho)	25	26	
2.2.	Khối phòng phục vụ học tập			
	Thư viện	1	1	
	Phòng thể chất	2	2	
	Phòng đa chức năng (nghệ thuật)	3	3	
	Phòng khác			
2.3.	Phòng tổ chức ăn			
	Nhà bếp	3	3	
	Nhà kho	3	3	
	Phòng khác			
2.4.	Khối phòng hành chính, quản trị			
	Phòng hiệu trưởng	1	1	
	Phòng phó hiệu trưởng	2	2	
	Văn phòng trưởng	1	1	
	Phòng họp	1	1	
	Phòng hành chính quản trị	1	1	
	Phòng bảo vệ	3	3	
	Phòng y tế	1	1	
	Phòng truyền thống			
	Phòng nhân viên	1	1	
	Phòng khác			
2.5.	Khối công trình công cộng			
	Nhà xe giáo viên	3	3	
	Phòng khác			
3	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có	80%	80%	
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời	15	15	
5	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác			
	- Tivi	25	25	
	- Nhạc cụ (tăng âm, loa)	3	3	
	- Máy phô tô (in)	7	7	
	- Loa lớp học	3	3	
	- Đầu video/ đầu đĩa			
	- Máy vi tính văn phòng	6	10	

4. Kiểm định chất lượng

4.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá

Trường Mầm non Lương Điền tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

4.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm

- Kết quả đánh giá và công nhận: Trường đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 2, Chuẩn Quốc gia mức độ 1.

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng năm 2024 -2025

Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo

Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo lộ trình 5 năm từ năm học 2024 - 2025 đến hết năm học 2028 - 2029 (Kế hoạch số 23/KH-MNLD ngày 6/9 /2024).

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính:

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 3402/2021/UBND-VP ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 3007/QĐ- UBND ngày 30/6/2022 của UBND huyện Cẩm Giàng về giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị trực thuộc UBND huyện Cẩm Giàng giai đoạn 2022 - 2025;

- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có):

+ Quy chế chi tiêu nội bộ: tạo điều kiện cho cơ quan thực hiện quyền tự chủ và chủ động trong công việc quản lý và chi tiêu kinh phí.

- Gắn trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị và cán bộ, công chức, người lao động trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

- Sắp xếp tổ chức bộ máy có hiệu quả, nâng cao tính chủ động để hoàn thành tốt nhiệm vụ và đảm bảo thu nhập chính đáng cho cán bộ, công chức, người lao động.

- Đảm bảo tài sản công được sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

- Thực hiện chủ trương của Nhà nước về tiết kiệm và chống lãng phí trong chi

tiêu ngân sách.

Tóm lại, mục đích chính của việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ là tối ưu hóa và tiết kiệm nguồn ngân sách, ngăn chặn tình trạng bội chi dẫn đến thâm hụt ngân sách. Vì vậy quy chế này được ban hành định kỳ hàng năm;

5. Kết quả hoạt động giáo dục

Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước.

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025
1	Tổng số lớp	25	26
2	Tổng số trẻ	743	764
3	Số trẻ bình quân/nhóm(lớp)	29.7	29.7
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	743	743
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	743	743
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	743	743
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi	208	208
8	Số trẻ khuyết tật	1	1

6. Kết quả tài chính

6.1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm 2024 theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu thu, chi hoạt động như sau:

6.1.1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp năm 2024, 2025

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025 (06 tháng đầu năm)
1	Tổng NSNN cấp trong năm	+ Kinh phí thực hiện tự chủ: 6.300.447.000đ + Kinh phí thực hiện không tự chủ: 1.579.104.000đ	+ Kinh phí thực hiện tự chủ: 7.982.552.000đ + Kinh phí thực hiện không tự chủ: 1.299.546.000đ
	Chi con người	6.091.230.800	3.868.744.200
	Chi hoạt động CM	532.596.182	114.056.486
	Chi mua sắm, sửa chữa	921.282.300	728.635.750
	Chi khác	332.216.368	97.528.180

	Tiết kiệm chi để lại	2.225.850	
--	----------------------	-----------	--

6.2.2. Các khoản thu và mức thu đối với học sinh:

STT	Nội dung thu	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Thời điểm thu
		Mức thu	Mức thu	
1	Học phí	Nhà trẻ: 125.000đ/trẻ/tháng	Nhà trẻ: 125.000đ/trẻ/tháng	
		Mẫu giáo 3, 4 tuổi: 105.000đ/trẻ/tháng	Mẫu giáo 3, 4 tuổi: 105.000đ/trẻ/tháng	
2	Bảo hiểm TT	200/trẻ/năm học	200/trẻ/năm học	
3	Đồ dùng, đồ chơi và học liệu	Khối NT: 50.000đ/trẻ/ năm học	Khối NT: 40.000đ/trẻ/ năm học	
		Khối 3T: 40.000đ/trẻ/ năm học	Khối 3T: 40.000đ/trẻ/ năm học	
		Khối 4T: 40.000đ/trẻ/ năm học	Khối 4T: 30.000đ/trẻ/ năm học	
		Khối 5T: 40.000đ/trẻ/ năm học	Khối 5T: 10.000đ/trẻ/ năm học	
4	Chăm sóc, phục vụ bán trú (trả người nấu ăn, trông trưa, QL)	180.000đ/tháng/trẻ.	250.000đ/tháng/trẻ.	Thu theo kỳ
5	Phụ phí (chất đốt, điện, nước, phục vụ bán trú, nước tẩy rửa)	65.000đ/tháng/trẻ	58.000đ/tháng/trẻ	
6	Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho trẻ bán trú lần đầu (từ thời điểm ăn	200.000đ/trẻ/khóa	200.000đ/trẻ/khóa	Trẻ ra thì thu

	bán trú lần đầu đến hết khóa học)			
7	Ăn bán trú	17.000đ/trẻ/ ngày	Kì I từ tháng 9 đến tháng 12/2024; Kì II từ tháng 01 đến tháng 5/2025: 18.000đ/trẻ/ngày	Thu theo tháng/những ngày thực học
8	Vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh (Bao gồm tiền lao công, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh)	13.000đ/trẻ/tháng	20.000đ/trẻ/tháng	Thu theo kỳ
9	Tiền ước uống tinh khiết	5.000đ/tháng/hs		Thu theo kỳ
10	Trồng trẻ ngày thứ 7 (tự nguyện)	35.000đ/trẻ/ngày	50.000đ/trẻ/ngày	Hàng tháng/những ngày thực học
11	Trồng trẻ trong hè			
	Trả tiền công trông trẻ	38.000đ/trẻ/ngày		Hàng tháng/những ngày thực học
	Phụ phí (tiền chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa)	65.000đ/trẻ/tháng		Theo tháng
	+ Tiền lao công, chăm sóc cây (bao gồm bao gồm cả dụng cụ làm việc...)	15.000đ/trẻ/tháng		Theo tháng
	Nước uống tinh khiết	7.000đ/trẻ/ngày		Theo tháng

b, Kết quả thực hiện chi các khoản thu từ nguồn đóng góp của học sinh:

SỐ TT	NỘI DUNG	THU - CHI NĂM HỌC 2024-2025		GHI CHÚ
		THU	CHI	
1	Tiền Học phí	576.157.500	576.157.500	Chi nộp vào TKKB

2	Tiền bảo hiểm thân thể	148.050.000	148.050.000	
	Hoa hồng BH thân thể	12.500.000	12.500.000	
3	Tiền mua bổ sung đồ dùng đồ chơi học liệu	90.510.000	90.510.000	
4	Tiền Chăm sóc, phục vụ bán trú (trả người nấu ăn, trông trưa, quản lý)	1.626.520.000	1.626.520.000	
5	Phụ phí (chất đốt, điện, nước, phục vụ bán trú, nước tẩy rửa)	397.996.000	393.655.080	Dư : 4.340.920
6	Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho trẻ bán trú lần đầu (từ thời điểm ăn bán trú lần đầu đến hết khóa học)	50.200.000	50.200.000	
7	Tiền ăn bán trú	2.278.530.000	2.278.530.000	
8	Vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh (Bao gồm tiền lao công, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh)	132.270.000	132.270.000	
9	Trông trẻ ngày thứ 7	475.474.000	475.474.000	

6.2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

- Trong năm học 2024-2025 nhà trường đã thực hiện chế độ miễn, giảm học phí cho học sinh khuyết tật (có đủ hồ sơ) và học sinh là con của gia đình hộ nghèo, cận nghèo theo quy định; Làm hồ sơ cấp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa cho các cháu đầy đủ

- Trong năm học 2024-2025 có số học sinh được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa cụ thể như sau:

- + Tổng số hs được miễn, giảm học phí: 03 trẻ, Số tiền: 1.890.000 đồng
- + Tổng số hs được hỗ trợ chi phí học tập: 01 trẻ. Số tiền hỗ trợ: 1.350.000 đồng
- + Tổng số hs được hỗ trợ ăn trưa: 03 trẻ. Số tiền hỗ trợ: 4.320.000 đồng
- Hỗ trợ GV dạy trẻ khuyết tật: 35.846.000đ

7. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác

7.1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ CBQL và giáo viên mầm non

Ban giáo hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường,

đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có 5 giáo viên đang học nâng chuẩn lên trình độ đại học, 1 giáo viên đang học nâng chuẩn lên trình độ Cao đẳng.

7.2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

7.3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả khả quan vượt trội so với kết quả dự kiến. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, hội khuyến học xã, mạnh thường quân và phụ huynh học sinh hỗ trợ như: ngày công lao động, cải tạo đất trồng rau, cải tạo vườn rau cho bé; bìa cát tông và nguyên nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động: Chúng tôi cùng chiến sĩ....

7.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường đang thực hiện thí điểm chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục giai đoạn 2022 - 2025.

Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như SSC, IMAS, phần mềm bảo xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm Media quản lý trang web... Sử dụng phần mềm Mind-Jet trong xây dựng kế hoạch soạn giảng các lứa tuổi được Ban giám hiệu quản lý trên mạng nội bộ của nhà trường.

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như pinterst (website chia sẻ ảnh dưới dạng mạng xã hội); powerpoint (phần mềm trình chiếu để truyền tải thông tin); Articulate Studio (phần mềm biến các slide thuyết trình powerpoint thành bài giảng điện tử)... trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ.

7.5. Công tác truyền thông

Nhà trường có xây dựng kế hoạch truyền thông, ra quyết định phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo (Kế hoạch số 4/KH-MNLĐ ngày 07/2/2024, Quyết định số 36b/QĐ-MNLĐ ngày 07/2/2024).

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (trang fanpage Mầm non Lương Điền, zalo nhóm lớp), thông qua website trường: <http://mnluongdien.camgiang.edu.vn>

Lương Điền, ngày 12 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

A red circular official stamp of the school is placed over a blue ink signature. The stamp contains the text "TRƯỜNG MẦM NON LƯƠNG ĐIỀN" in the center and "BAN NHÂN DÂN HUYỆN CAM GIANG" around the perimeter. The signature is written in blue ink over the stamp.

Nguyễn Thị My